

# CHÍNH SÁCH HỢP TÁC VANTAGE

Sign-up MIB: <https://bit.ly/lbVantageVN>

## 1. CƠ CHẾ HOA HỒNG



### VANTAGE - BROKER

VƯỢT TRỘI NHẤT 2026

#### CHÍNH SÁCH 2 TẦNG

| LOẠI TÀI KHOẢN | STANDARD 16        | PREMIUM            |
|----------------|--------------------|--------------------|
| SPREAD VÀNG    | 24                 | 11                 |
| HOA HỒNG       | 45% + 8%           | 28% + 7%           |
| SPREAD FOREX   | 19                 | 2 - 6              |
| HOA HỒNG       | 45% + 8%           | 28% + 7%           |
| SPREAD BTC     | 17                 | 17                 |
| HOA HỒNG       | 70\$/1 TRIỆU \$ NV | 70\$/1 TRIỆU \$ NV |

#### CHÍNH SÁCH ĐA TẦNG

| LOẠI TÀI KHOẢN | STANDARD 32        | STANDARD 22        | PREMIUM            |
|----------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| SPREAD VÀNG    | 32                 | 22                 | 11                 |
| HOA HỒNG       | 20                 | 10                 | 30%                |
| SPREAD FOREX   | 22                 | 12                 | 2 - 6              |
| HOA HỒNG       | 15                 | 5                  | 30%                |
| SPREAD BTC     | 17                 | 17                 | 17                 |
| HOA HỒNG       | 70\$/1 TRIỆU \$ NV | 70\$/1 TRIỆU \$ NV | 70\$/1 TRIỆU \$ NV |

Liên hệ ngay để nhận cơ chế tốt nhất

+84 834 198 566

@JOYJOY0X

Áp dụng cho Vàng (XAU/USD) & Ngoại hối • Cổng USDT On-chain • Trả com tự động

## I. Tùy chọn cơ chế vận hành theo mô hình

### Cơ Chế 2 Tầng (Freeswap 100%)

#### Ưu tiên Desk

- **Standard:** Tier 1 nhận **45%** spread (~\$10.8/lot) | Tier 2 nhận **8%**.
- **Perpetual:** Tier 1 nhận **50%** | Tier 2 nhận **10%**.
- **Raw ECN:** Tier 1 nhận **26.67%** spread thô.
- Thưởng thêm 2% - 5% **Net Deposit** hàng tháng.

### Cơ Chế Cố Định / Đa Tầng

#### Tối đa hoa hồng

- **Standard 22 / Raw ECN:** Rebate cố định **\$10.0 / lot**.
- **Standard 32 (Markup +1 pip):** Rebate lên đến **\$20.0 - \$21.0 / lot**.
- **Crypto Rebate:** \$70 / \$1,000,000 Notional Volume.
- Thưởng nóng **\$20 - \$50 / user CopyTrade** nạp mới.

## II. Phân hạng đối tác & hệ sinh thái hỗ trợ

| Phân Hạng                     | Khối Lượng       | Mức Rebate           | Hệ Sinh Thái Quyền Lợi Đi Kèm                                                                                                                                               |
|-------------------------------|------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ♦ <b>Standard Trader</b>      | > 10 lots/tháng  | <b>\$5.0 / lot</b>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Báo cáo vĩ mô &amp; lịch tin tức tuần Joy's Gold Desk</li> <li>✓ Template Quản trị vốn &amp; Nhật ký giao dịch (Notion)</li> </ul> |
| ♦ <b>Active Trader</b>        | > 20 lots/tháng  | <b>\$10.0 / lot</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Toàn bộ quyền lợi Standard</li> <li>✓ Trial free 7 ngày Tool PTKT Crazii System độc quyền</li> </ul>                               |
| ♦ <b>Pro Scalper / Whale</b>  | > 50 lots/tháng  | <b>\$15.0 / lot</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Gia hạn &amp; ưu đãi gói trải nghiệm Tool Crazii System</li> <li>✓ Hỗ trợ cổng nạp/rút USDT on-chain volume lớn 1-1</li> </ul>     |
| ♦ <b>Community / Sub-IB</b>   | > 100 lots/tháng | <b>\$20.0 / lot</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Cung cấp kịch bản Content &amp; bản tin sáng cho cộng đồng</li> <li>✓ Cấp License trải nghiệm Tool Crazii cho Admin/Mod</li> </ul> |
| ♦ <b>Mega Desk / Big Team</b> | > 500 lots/tháng | <b>\$21.0+ / lot</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Tùy biến Contest trading &amp; matching campaign riêng</li> <li>✓ Setup Master-IB portal riêng biệt, bảo mật tuyệt đối</li> </ul>  |

### Thanh Toán Linh Hoạt

Đối soát tự động mỗi ngày, rút về USDT on-chain hoặc tài khoản ngân hàng 24/7 bảo mật.

### Không Ràng Buộc

Áp dụng trọn vẹn cho Scalping, EA Bot, News Trading & Swing. Khớp lệnh ECN không trượt giá.

### Đăng Ký & Kích Hoạt

Gửi ID tài khoản hoặc yêu cầu chuyển nhánh về Telegram [@joyjoy0x](#) để nhận policy ưu đãi.

## Thời gian giao dịch:

- Forex & Hàng hoá: Thứ 2 – Thứ 6
- Crypto: Thứ 2 – Chủ nhật

**Trial free 7 day:** [Tool Phân Tích Kỹ Thuật Crazii System](#)

## CƠ CHẾ 2 TẦNG

| TÀI KHOẢN | SPREAD | REBATE ( % SPREAD ) |        |
|-----------|--------|---------------------|--------|
|           |        | Tier 1              | Tier 2 |
| Premium   | 12     | 28%                 | 7%     |
| Standard  | 24     | 45%                 | 8%     |
| Perpetual | 24     | 50%                 | 10%    |
| Raw ECN   | 8      | 26.67%              | 6.67%  |
|           |        |                     |        |

**Rebate** trên ứng với các sản phẩm **Gold**. Chi tiết rebate từng loại tài khoản và sản phẩm được đính kèm bên dưới (Tất cả loại tài khoản đều được miễn phí phí qua đêm - *Freeswap*).

**Lưu ý:** Spread thả nổi nên sẽ dao động (Cơ chế 2 tầng sẽ được **freeswap** cho mọi tài khoản).

**Ví dụ cách tính rebate TK Standard (Gold) dành cho đối tác:**

**Tier1 nhận 45% (tùy loại TK):**

Tài khoản standard spread (2.4 pip) vàng 24

=>  $1000\text{lot} = 1000 \times 24 \times 45\% = 10.800\$$  + chương trình Net % hàng tháng đủ điều kiện > xem mục 2)

**Tier2 nhận 8%:**  $1000\text{lot} = 1000 \times 24 \times 8\% = 1920\$$

## CƠ CHẾ ĐA TẦNG

---

### STANDARD 22

---

| Tài khoản (Account) | Mã (Asset Classes) | Rebate       |
|---------------------|--------------------|--------------|
| Standard            | FX                 | 5            |
|                     | XAUUSD             | 10           |
|                     | OIL                | 10           |
|                     | XAG                | 10           |
|                     | CRYPTO             | 70\$/1M\$ NV |

### ECN

---

| Tài khoản (Account) | Mã (Asset Classes) | Rebate       |
|---------------------|--------------------|--------------|
| ECN                 | XAUUSD             | 10           |
|                     | OIL                | 10           |
|                     | XAG                | 10           |
|                     | CRYPTO             | 70\$/1M\$ NV |

## CƠ CHẾ MARKUP + 1 PIP

### STANDARD 32

| Tài Khoản<br>(Account) | Mã (Asset Classes) | Rebate       |
|------------------------|--------------------|--------------|
| Standard               | FX                 | 15           |
|                        | XAUUSD             | 20           |
|                        | OIL                | 20           |
|                        | XAG                | 20           |
|                        | CRYPTO             | 70\$/1M\$ NV |

### ECN

| Tài Khoản (Account) | Mã (Asset Classes) | Rebate    |
|---------------------|--------------------|-----------|
| ECN                 | XAUUSD             | 20        |
|                     | OIL                | 20        |
|                     | XAG                | 20        |
|                     | CRYPTO             | 70\$/1M\$ |

#### Lưu ý :

- Cơ chế đa tầng + markup sẽ không free swap
- Khi đăng ký cơ chế markup sẽ không nhận được chương trình % Net

**Ví dụ cách tính rebate TK Standard32 (Gold) dành cho đối tác:** 1000 lot =  
 $1000 \times 20 = 20.000\$$  (rebate thực nhận)

## 2. CHƯƠNG TRÌNH BONUS NET DEPOSIT:

---

### Điều kiện

- IB đã hoạt động tối thiểu 6 tháng.
- Net Deposit  $\geq$  10.000 USD.
- SUB IB có thể tham gia.

Trường hợp MIB đã tham gia chương trình khác, nếu SUB IB cùng line tham gia chương trình này thì khi tính số liệu cho MIB sẽ không cộng dữ liệu của SUB IB vào.

- *Không áp dụng cho IB tham gia cơ chế Markup.*

### Yêu cầu & Mức thưởng :

| Net Threshold | Trading Volume Threshold (Million) | Sponsorship % |
|---------------|------------------------------------|---------------|
| >200K\$       | > 200M                             | 5%            |
| >100K\$       | >50M                               | 3%            |
| >30K\$        | $\geq$ 20M                         | 2%            |

---

### 3. CHƯƠNG TRÌNH COPY TRADE

---

Thưởng trên số lượng user copy trong nền tảng CopyTrading của Vantage.

Chọn 1 trong 2 version:

#### Ver 1:

| Thời gian | Tháng 1    | Tháng 2    | Tháng 3    |
|-----------|------------|------------|------------|
| 3 Tháng   | 50\$/ user | 20\$/ user | 20\$/ user |

#### Ver 2:

| Thời Gian | Tháng 1    | Tháng 2   | Tháng 3    |
|-----------|------------|-----------|------------|
| 3 Tháng   | 20\$/ user | 30\$/user | 50\$/ user |

#### Điều kiện dành cho khách hàng:

- Mở tài khoản Vantage Copy Trading hợp lệ (Không bao gồm tài khoản USC)
- Nạp ít nhất 100 USD
- Sao chép giao dịch ít nhất 7 ngày (Có vị thế mở) từ BẤT KỲ nhà cung cấp tín hiệu nào
- Sao chép ít nhất 200.000 NV \*Lệnh giao dịch cần giữ ít nhất 10 phút nếu không sẽ không được tính.
- Điều kiện nhận thưởng phải đạt ít nhất 50 user sau 3 tháng.

## 4. Chương trình Cashback dành cho trader

---

- Nạp 500\$ nhận 20\$ khi trade đủ 4 lot vàng
- Nạp 1000\$ nhận 50\$ khi trade đủ 10 lot vàng

## 5. HỖ TRỢ, LIÊN HỆ & CÂU HỎI THƯỜNG GẶP (FAQ)

---

### 1. Khi nào tôi nhận được Rebate/Backcom?

Rebate/Backcom được ghi nhận và trả vào tài khoản của đối tác vào đầu ngày giao dịch tiếp theo.

### 2. Có chuyển ref từ đối tác vantage khác sang đối tác được không?

Được, quy trình chuyển Ref đối tác từ Vantage sang nhánh:

- ☐ Khách hàng: Gửi email yêu cầu theo mẫu về bộ phận Support của sàn.
- ☐ IB/MIB (trên 5 khách hàng): Gửi email yêu cầu và cần Sales của nhánh hiện tại phê duyệt.

### 3. Yêu cầu KYC như thế nào?

- ☐ Xác minh danh tính (ID/Passport).
- ☐ Xác minh Email & Số điện thoại.

### 4. Về hỗ trợ hệ thống Vantage có đầy đủ:

- ☐ Hướng dẫn mở tài khoản
- ☐ Hướng dẫn nạp/rút
- ☐ [Tài liệu hỗ trợ chi tiết cho IB & khách hàng](#)

### 5. Vấn đề Master – Sub Account không follow

Trong trường hợp:

Tài khoản Master đã thực hiện giao dịch nhưng tài khoản con không follow gây thiệt hại,

→ Bộ phận kỹ thuật sẽ kiểm tra log hệ thống.

→ Nếu xác định lỗi từ phía hệ thống sàn, sẽ có phương án đền bù đầy đủ theo quy định.

### 6. Có hệ thống xếp hạng, đánh giá các đại lý không, và nếu có thì dựa trên tiêu chí nào?

Hiện tại Vantage sẽ đánh giá dựa trên số lượng active user + số lot giao dịch hàng tháng. Tuy nhiên không có hệ thống xếp hạng hay đánh giá chính xác.

### 7. Cơ chế Markup có được miễn phí qua đêm (Freeswap) không?

Không, cơ chế đa tầng và markup sẽ không được miễn phí qua đêm. Chỉ có cơ chế 2 tầng được miễn phí qua đêm cho mọi loại tài khoản.

**8. Tôi có thể nhận chương trình Bonus Net Deposit nếu chọn cơ chế Markup không?**

Không, cơ chế Markup không được áp dụng chương trình Bonus Net Deposit.

**9. Làm thế nào để tính Net Deposit?**

Net Deposit được tính theo công thức: (Tổng nạp - Tổng rút - Commission).

**10. Tôi phải liên hệ ai khi gặp vấn đề về hệ thống hoặc cần hỗ trợ nhanh?**

Bạn có thể liên hệ trực tiếp qua Telegram: [@joyjoy0x](https://t.me/joyjoy0x) để được hỗ trợ kỹ thuật và giải quyết tranh chấp 24/7.

## 6. ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ

---

- **Net Deposit:** (Tổng nạp - Tổng rút - Commission)
- **Rebate/Backcom:** Được ghi nhận và trả vào đầu ngày giao dịch tiếp theo.

- Các loại tài khoản tại Vantage:


**Trading Accounts**

|                                                                                                                                                                                           | PRO ECN<br>Account                                     | RAW ECN<br>Account                                     | STANDARD STP<br>Account                                | CENT<br>Account      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>Platform</b>                                                                                                                                                                           |                                                        |                                                        |                                                        |                      |
| Australia                                                                                                                                                                                 | -                                                      | MT4 & MT5                                              | MT4 & MT5                                              | -                    |
| UK                                                                                                                                                                                        | MT4, MT5,<br>ProTrader, V-Social                       | MT4, MT5,<br>ProTrader, V-Social                       | MT4, MT5,<br>ProTrader, V-Social                       | -                    |
| SA                                                                                                                                                                                        | MT4, MT5, Pro Trader                                   | MT4, MT5, Pro Trader                                   | MT4, MT5, Pro Trader                                   | MT4, MT5, Pro Trader |
| Outside AU, UK, SA                                                                                                                                                                        | MT4, MT5                                               | MT4, MT5                                               | MT4, MT5                                               | -                    |
| <b>Broker Type</b>                                                                                                                                                                        | No Dealing desk, STP                                   |                                                        |                                                        |                      |
| Australia, UK, SA &<br>Outside AU, UK, SA                                                                                                                                                 |                                                        |                                                        |                                                        |                      |
| <b>Execution Type</b>                                                                                                                                                                     | Instant Execution                                      |                                                        |                                                        |                      |
| Australia, UK, SA &<br>Outside AU, UK, SA                                                                                                                                                 |                                                        |                                                        |                                                        |                      |
| <b>Minimum Deposit</b>                                                                                                                                                                    |                                                        |                                                        |                                                        |                      |
| Australia                                                                                                                                                                                 | -                                                      | \$50                                                   | \$50                                                   | -                    |
| UK                                                                                                                                                                                        | £500                                                   | \$500                                                  | £200                                                   | -                    |
| SA                                                                                                                                                                                        | \$10,000                                               | \$50                                                   | \$50                                                   | \$50                 |
| Outside AU, UK, SA                                                                                                                                                                        | \$10,000                                               | \$50                                                   | \$50                                                   | -                    |
| <b>Spreads</b>                                                                                                                                                                            |                                                        |                                                        |                                                        |                      |
| Australia, UK, SA &<br>Outside AU, UK, SA                                                                                                                                                 | from 0.0 pips                                          | from 0.0 pips                                          | from 1.0 pips                                          | from 0.0 pip         |
| <b>Commission per<br/>100k (round turn)</b>                                                                                                                                               |                                                        |                                                        |                                                        |                      |
| Australia                                                                                                                                                                                 | -                                                      | \$2                                                    | \$0                                                    | -                    |
| UK                                                                                                                                                                                        | £2                                                     | £2                                                     | £0                                                     | -                    |
| SA                                                                                                                                                                                        | \$3                                                    | \$6                                                    | \$0                                                    | \$0-6.00             |
| Outside AU, UK, SA                                                                                                                                                                        | \$3                                                    | \$6                                                    | \$0                                                    | -                    |
| <b>Base Currencies</b>                                                                                                                                                                    |                                                        |                                                        |                                                        |                      |
| Australia                                                                                                                                                                                 | -                                                      | AUD,USD                                                | AUD,USD                                                | -                    |
| UK                                                                                                                                                                                        | USD, HKD, GBP, EUR                                     | USD, HKD, GBP, EUR                                     | USD, HKD, GBP, EUR                                     | -                    |
| SA                                                                                                                                                                                        | -                                                      | -                                                      | -                                                      | -                    |
| Outside AU, UK, SA                                                                                                                                                                        | AUD, USD, GBP, EUR,<br>SGD, CAD, NZD, JPY,<br>HKD, PLN | AUD, USD, GBP, EUR,<br>SGD, CAD, NZD, JPY,<br>HKD, PLN | AUD, USD, GBP, EUR,<br>SGD, CAD, NZD, JPY,<br>HKD, PLN | -                    |
| <b>Note:</b><br>1. Standard STP is called STP in Africa.<br>2. Pro is called Professional in the UK and not available in Australia.<br>3. Cent Account is only available in South Africa. |                                                        |                                                        |                                                        |                      |